

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ

Số: 340 /UBND-CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 08 tháng 11 năm 2024

CHỨNG NHẬN SỐ NHÀ

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1810/2024/CV-PL ngày 18/10/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Phú Lộc về việc xin cấp số nhà cho các căn hộ của Dự án khu nhà ở cao tầng – Phân khu 13 tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK109734 (sổ vào sổ cấp GCN CT67619) ngày 06 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện Nhà Bè tại Tờ trình số 1273/TTr-QLĐT ngày 05 tháng 11 năm 2024,

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc Khu nhà ở cao tầng tại phân khu 13, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, do Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Phú Lộc làm chủ đầu tư được mang số như sau: theo Phụ lục và Bản vẽ đính kèm.

Giấy chứng nhận này được sử dụng khi cơ quan, tổ chức, cá nhân làm các thủ tục liên quan đến địa chỉ.

Chứng nhận số nhà (căn hộ) để phục vụ công tác quản lý của Nhà nước và tạo sự thuận tiện trong giao dịch, không có giá trị công nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng./.

Nơi nhận :

- Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển (để quản lý);
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Phú Lộc;
- Lưu: VT, QLĐT-TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phan Lê Nguyễn



✓

Phụ lục I
KHỎI ĐỀ CÔNG TRÌNH

*Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng tại phân khu 13,
đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè*

*(Đính kèm Giấy chứng nhận số nhà số 340 / UBND-CN ngày 08 /11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
	Tầng hầm	Tầng hầm		H1	
1	TÀNG TRỆT	G-01	(SH-01)	00-01	căn hộ ở kết hợp TMDV
2		G-02	(SH-02)	00-02	căn hộ ở kết hợp TMDV
3		G-03	(SH-03)	00-03	căn hộ ở kết hợp TMDV
4		G-04	(SH-04)	00-04	căn hộ ở kết hợp TMDV
5		G-05	(SH-05)	00-05	căn hộ ở kết hợp TMDV
6		G-06	(SH-06)	00-06	căn hộ ở kết hợp TMDV
7		G-07	(SH-07)	00-07	căn hộ ở kết hợp TMDV
8		G-08	(SH-08)	00-08	căn hộ ở kết hợp TMDV
9		G-09	(SH-09)	00-09	căn hộ ở kết hợp TMDV
10		G-10	(SH-10)	00-10	căn hộ ở kết hợp TMDV
11		G-11	(SH-11)	00-11	căn hộ ở kết hợp TMDV
12		G-12	(SH-12)	00-12	căn hộ ở kết hợp TMDV
13		G-13	(SH-13)	00-13	căn hộ ở kết hợp TMDV
14		G-14	(SH-14)	00-14	căn hộ ở kết hợp TMDV
15		G-15	(SH-15)	00-15	căn hộ ở kết hợp TMDV
16		G-16	(SH-16)	00-16	căn hộ ở kết hợp TMDV
17		G-17	(SH-17)	00-17	căn hộ ở kết hợp TMDV
18		G-18	(SH-18)	00-18	căn hộ ở kết hợp TMDV
19		G-19	(SH-19)	00-19	căn hộ ở kết hợp TMDV
20		G-20	(SH-20)	00-20	căn hộ ở kết hợp TMDV
21		G-21	(SH-21)	00-21	căn hộ ở kết hợp TMDV

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
22		G-22	(SH-22)	00-22	căn hộ ở kết hợp TMDV
23		G-23	(SH-23)	00-23	căn hộ ở kết hợp TMDV
24		G-24	(SH-24)	00-24	căn hộ ở kết hợp TMDV
25		G-25	(SH-25)	00-25	căn hộ ở kết hợp TMDV
26		G-26	(SH-26)	00-26	căn hộ ở kết hợp TMDV
27		G-27	(SH-27)	00-27	căn hộ ở kết hợp TMDV
28		G-28	(SH-28)	00-28	căn hộ ở kết hợp TMDV
29		G-29	(SH-29)	00-29	căn hộ ở kết hợp TMDV
30		G-30	(SH-30)	00-30	căn hộ ở kết hợp TMDV
31		G-31	(SH-31)	00-31	căn hộ ở kết hợp TMDV
32		G-32	(SH-32)	00-32	căn hộ ở kết hợp TMDV
33		G-33	(SH-33)	00-33	căn hộ ở kết hợp TMDV
34		G-34	(SH-34)	00-34	căn hộ ở kết hợp TMDV
		THÁP T1			
35		1	2BS-1MG0	T1.00-01	Căn hộ ở
36		2	2BS-1G0	T1.00-02	Căn hộ ở
37		3	3BS-1G0	T1.00-03	Căn hộ ở
		THÁP T2			
38		1	3BS-2G0	T2.00-01	Căn hộ ở
39		2	2BS- 2MG0	T2.00-02	Căn hộ ở
40		3	2BS-2G0	T2.00-03	Căn hộ ở
41		4	3BS-4G0	T2.00-04	Căn hộ ở
		THÁP T3			
42		1	2BL-4G0	T3.00-01	Căn hộ ở
43		2	3BS-2G0	T3.00-02	Căn hộ ở
44		3	2BS- 1MG0	T3.00-03	Căn hộ ở
45		4	2BS-1G0	T3.00-04	Căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
46		5	3BS-2MG0	T3.00-05	Căn hộ ở
47		6	2BL-4MG0	T3.00-06	Căn hộ ở
		THÁP T4			
48		1	3BS-4MG0	T4.00-01	căn hộ ở
49		2	2BS-2MG0	T4.00-02	căn hộ ở
50		3	2BS-2G0	T4.00-03	căn hộ ở
51		4	3BS-2MG0	T4.00-04	căn hộ ở
		THÁP T5			
52		1	3BS-1MG0	T5.00-01	căn hộ ở
53		2	2BS-1MG0	T5.00-02	căn hộ ở
54		3	2BS-1G0	T5.00-03	căn hộ ở
	TÀNG 1	THÁP T1			
55		1	2BS-1M	T1.01-01	căn hộ ở
56		2	2BS-1	T1.01-02	căn hộ ở
57		3	3BS-1	T1.01-03	căn hộ ở
58		4	2BL-2	T1.01-04	căn hộ ở
59		5	2BL-1	T1.01-05	căn hộ ở
		THÁP T2			
60		1	3BS-2	T2.01-01	căn hộ ở
61		2	2BS-2M	T2.01-02	căn hộ ở
62		3	2BS-2	T2.01-03	căn hộ ở
63		4	3BS-4	T2.01-04	căn hộ ở
		THÁP T3			
64		1	2BL-4	T3.01-01	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
65		2	3BS-2	T3.01-02	căn hộ ở
66		3	2BS-1M	T3.01-03	căn hộ ở
67		4	2BL-1	T3.01-04	căn hộ ở
68		5	2BS-1	T3.01-05	căn hộ ở
69		6	3BS-2M	T3.01-06	căn hộ ở
70		7	2BL-4M	T3.01-07	căn hộ ở
		THÁP T4			
71		1	3BS-4M	T4.01-01	căn hộ ở
72		2	2BS-2M	T4.01-02	căn hộ ở
73		3	2BS-2	T4.01-03	căn hộ ở
74		4	3BS-2M	T4.01-04	căn hộ ở
		THÁP T5			
75		1	2BL-1M	T5.01-01	căn hộ ở
76		2	2BL-2M	T5.01-02	căn hộ ở
77		3	3BS-1M	T5.01-03	căn hộ ở
78		4	2BS-1M	T5.01-04	căn hộ ở
79		5	2BS-1	T5.01-05	căn hộ ở

Tổng số căn hộ khối để công trình được cấp số nhà : 79 căn



Phụ lục II
THÁP T1

*Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng tại phân khu 13,
đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè*

*(Đính kèm Giấy chứng nhận số nhà số 340 / UBND-CN ngày 08/11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
1	Tầng 2	1	2BS-1M	T1.02-01	căn hộ ở
2		2	2BS-1	T1.02-02	căn hộ ở
3		3	3BS-1	T1.02-03	căn hộ ở
4		4	2BL-2	T1.02-04	căn hộ ở
5		5	2BL-1	T1.02-05	căn hộ ở
6		6	2BS-1	T1.02-06	căn hộ ở
7		7	2BS-1M	T1.02-07	căn hộ ở
8		8	3BS-3G2	T1.02-08	căn hộ ở
9		9	2BL-3G2	T1.02-09	căn hộ ở
10	Tầng 3	1	2BS-1M	T1.03-01	căn hộ ở
11		2	2BS-1	T1.03-02	căn hộ ở
12		3	3BS-1	T1.03-03	căn hộ ở
13		4	2BL-2	T1.03-04	căn hộ ở
14		5	2BL-1	T1.03-05	căn hộ ở
15		6	2BS-1	T1.03-06	căn hộ ở
16		7	2BS-1M	T1.03-07	căn hộ ở
17		8	3BS-3	T1.03-08	căn hộ ở
18		9	2BL-3	T1.03-09	căn hộ ở
19	Tầng 4	1	2BS-1M	T1.04-01	căn hộ ở
20		2	2BS-1	T1.04-02	căn hộ ở
21		3	3BS-1	T1.04-03	căn hộ ở
22		4	2BL-2	T1.04-04	căn hộ ở
23		5	2BL-1	T1.04-05	căn hộ ở
24		6	2BS-1	T1.04-06	căn hộ ở

2/2/2

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
25		7	2BS-1M	T1.04-07	căn hộ ở
26		8	3BS-3	T1.04-08	căn hộ ở
27		9	2BL-3	T1.04-09	căn hộ ở
28	Tầng 5	1	2BS-1M	T1.05-01	căn hộ ở
29		2	2BS-1	T1.05-02	căn hộ ở
30		3	3BS-1	T1.05-03	căn hộ ở
31		4	2BL-2	T1.05-04	căn hộ ở
32		5	2BL-1	T1.05-05	căn hộ ở
33		6	2BS-1	T1.05-06	căn hộ ở
34		7	2BS-1M	T1.05-07	căn hộ ở
35		8	3BS-3	T1.05-08	căn hộ ở
36		9	2BL-3	T1.05-09	căn hộ ở
37	Tầng 6	1	2BS-1M	T1.06-01	căn hộ ở
38		2	2BS-1	T1.06-02	căn hộ ở
39		3	3BS-1	T1.06-03	căn hộ ở
40		4	2BL-2	T1.06-04	căn hộ ở
41		5	2BL-1	T1.06-05	căn hộ ở
42		6	2BS-1	T1.06-06	căn hộ ở
43		7	2BS-1M	T1.06-07	căn hộ ở
44		8	3BS-3	T1.06-08	căn hộ ở
45		9	2BL-3	T1.06-09	căn hộ ở
46	Tầng 7	1	2BS-1M	T1.07-01	căn hộ ở
47		2	2BS-1	T1.07-02	căn hộ ở
48		3	3BS-1	T1.07-03	căn hộ ở
49		4	2BL-2	T1.07-04	căn hộ ở
50		5	2BL-1	T1.07-05	căn hộ ở
51		6	2BS-1	T1.07-06	căn hộ ở
52		7	2BS-1M	T1.07-07	căn hộ ở
53		8	3BS-3	T1.07-08	căn hộ ở
54		9	2BL-3	T1.07-09	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
55	Tầng 8	1	2BS-1M	T1.08-01	căn hộ ở
56		2	2BS-1	T1.08-02	căn hộ ở
57		3	3BS-1	T1.08-03	căn hộ ở
58		4	2BL-2	T1.08-04	căn hộ ở
59		5	2BL-1	T1.08-05	căn hộ ở
60		6	2BS-1	T1.08-06	căn hộ ở
61		7	2BS-1M	T1.08-07	căn hộ ở
62		8	3BS-3	T1.08-08	căn hộ ở
63		9	2BL-3	T1.08-09	căn hộ ở
64	Tầng 9	1	2BS-1M	T1.09-01	căn hộ ở
65		2	2BS-1	T1.09-02	căn hộ ở
66		3	3BS-1	T1.09-03	căn hộ ở
67		4	2BL-2	T1.09-04	căn hộ ở
68		5	2BL-1	T1.09-05	căn hộ ở
69		6	2BS-1	T1.09-06	căn hộ ở
70		7	2BS-1M	T1.09-07	căn hộ ở
71		8	3BS-3	T1.09-08	căn hộ ở
72		9	2BL-3	T1.09-09	căn hộ ở
73	Tầng 10	1	2BS-1M	T1.10-01	căn hộ ở
74		2	2BS-1	T1.10-02	căn hộ ở
75		3	3BS-1	T1.10-03	căn hộ ở
76		4	2BL-2	T1.10-04	căn hộ ở
77		5	2BL-1	T1.10-05	căn hộ ở
78		6	2BS-1	T1.10-06	căn hộ ở
79		7	2BS-1M	T1.10-07	căn hộ ở
80		8	3BS-3	T1.10-08	căn hộ ở
81		9	2BL-3	T1.10-09	căn hộ ở
82	Tầng 11	1	2BS-1M	T1.11-01	căn hộ ở
83		2	2BS-1	T1.11-02	căn hộ ở
84		3	3BS-1	T1.11-03	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
85		4	2BL-2	T1.11-04	căn hộ ở
86		5	2BL-1	T1.11-05	căn hộ ở
87		6	2BS-1	T1.11-06	căn hộ ở
88		7	2BS-1M	T1.11-07	căn hộ ở
89		8	3BS-3	T1.11-08	căn hộ ở
90		9	2BL-3	T1.11-09	căn hộ ở
91	Tầng 12	1	2BS-1M	T1.12-01	căn hộ ở
92		2	2BS-1	T1.12-02	căn hộ ở
93		3	3BS-1	T1.12-03	căn hộ ở
94		4	2BL-2	T1.12-04	căn hộ ở
95		5	2BL-1	T1.12-05	căn hộ ở
96		6	2BS-1	T1.12-06	căn hộ ở
97		7	2BS-1M	T1.12-07	căn hộ ở
98		8	3BS-3	T1.12-08	căn hộ ở
99		9	2BL-3	T1.12-09	căn hộ ở
	Tầng 13		(Sân vườn)		
100		1	2BS-1	T1.13-01	căn hộ ở
101		2	3BS-1	T1.13-02	căn hộ ở
102		3	2BL-2	T1.13-03	căn hộ ở
103		4	2BL-1	T1.13-04	căn hộ ở
			(Sân vườn)		
			(Sân vườn)		
104		5	3BS-3	T1.13-05	căn hộ ở
105		6	2BL-3	T1.13-06	căn hộ ở
	Tầng 14		(Thông tầng)		
106		1	2BS-1	T1.14-01	căn hộ ở
107		2	3BS-1	T1.14-02	căn hộ ở
108		3	2BL-2	T1.14-03	căn hộ ở
109		4	2BL-1	T1.14-04	căn hộ ở
			(Thông tầng)		

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
			(Thông tầng)		
110		5	3BS-3	T1.14-05	căn hộ ở
111		6	2BL-3	T1.14-06	căn hộ ở
112	Tầng 15	1	2BS-1M	T1.15-01	căn hộ ở
113		2	2BS-1	T1.15-02	căn hộ ở
114		3	3BS-1	T1.15-03	căn hộ ở
115		4	2BL-2	T1.15-04	căn hộ ở
116		5	2BL-1	T1.15-05	căn hộ ở
117		6	2BS-1	T1.15-06	căn hộ ở
118		7	2BS-1M	T1.15-07	căn hộ ở
119		8	3BS-3	T1.15-08	căn hộ ở
120		9	2BL-3	T1.15-09	căn hộ ở
121	Tầng 16	1	2BS-1M	T1.16-01	căn hộ ở
122		2	2BS-1	T1.16-02	căn hộ ở
123		3	3BS-1	T1.16-03	căn hộ ở
124		4	2BL-2	T1.16-04	căn hộ ở
125		5	2BL-1	T1.16-05	căn hộ ở
126		6	2BS-1	T1.16-06	căn hộ ở
127		7	2BS-1M	T1.16-07	căn hộ ở
128		8	3BS-3	T1.16-08	căn hộ ở
129		9	2BL-3	T1.16-09	căn hộ ở
130	Tầng 17	1	2BS-1M	T1.17-01	căn hộ ở
131		2	2BS-1	T1.17-02	căn hộ ở
132		3	3BS-1	T1.17-03	căn hộ ở
133		4	2BL-2	T1.17-04	căn hộ ở
134		5	2BL-1	T1.17-05	căn hộ ở
135		6	2BS-1	T1.17-06	căn hộ ở
136		7	2BS-1M	T1.17-07	căn hộ ở
137		8	3BS-3	T1.17-08	căn hộ ở
138		9	2BL-3	T1.17-09	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
139	Tầng 18	1	2BS-1M	T1.18-01	căn hộ ở
140		2	2BS-1	T1.18-02	căn hộ ở
141		3	3BS-1	T1.18-03	căn hộ ở
142		4	2BL-2	T1.18-04	căn hộ ở
143		5	2BL-1	T1.18-05	căn hộ ở
144		6	2BS-1	T1.18-06	căn hộ ở
145		7	2BS-1M	T1.18-07	căn hộ ở
146		8	3BS-3	T1.18-08	căn hộ ở
147		9	2BL-3	T1.18-09	căn hộ ở
148	Tầng 19	1	2BS-1M	T1.19-01	căn hộ ở
149		2	2BS-1	T1.19-02	căn hộ ở
150		3	3BS-1	T1.19-03	căn hộ ở
151		4	2BL-2	T1.19-04	căn hộ ở
152		5	2BL-1	T1.19-05	căn hộ ở
153		6	2BS-1	T1.19-06	căn hộ ở
154		7	2BS-1M	T1.19-07	căn hộ ở
155		8	3BS-3	T1.19-08	căn hộ ở
156		9	2BL-3	T1.19-09	căn hộ ở
157	Tầng 20	1	2BS-1M	T1.20-01	căn hộ ở
158		2	2BS-1	T1.20-02	căn hộ ở
159		3	3BS-1	T1.20-03	căn hộ ở
160		4	2BL-2	T1.20-04	căn hộ ở
161		5	2BL-1	T1.20-05	căn hộ ở
162		6	2BS-1	T1.20-06	căn hộ ở
163		7	2BS-1M	T1.20-07	căn hộ ở
164		8	3BS-3	T1.20-08	căn hộ ở
165		9	2BL-3	T1.20-09	căn hộ ở

Tổng số căn hộ Tháp T1 được cấp số nhà : 165 căn



Phụ lục III
THÁP T2

*Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng tại phân khu 13,
đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè*

*(Đính kèm Giấy chứng nhận số nhà số 340 / UBND-CN ngày 08/11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
1	Tầng 2	1	2BS-2	T2.02-01	căn hộ ở
2		2	3BS-4	T2.02-02	căn hộ ở
3		3	3BS-1MG2	T2.02-03	căn hộ ở
4		4	2BS-1MG2	T2.02-04	căn hộ ở
5		5	2BL-1G2	T2.02-05	căn hộ ở
6		6	2BS-1G2	T2.02-06	căn hộ ở
7		7	3BS-1G2	T2.02-07	căn hộ ở
8		8	3BS-2	T2.02-08	căn hộ ở
9		9	2BS-2M	T2.02-09	căn hộ ở
10	Tầng 3	1	2BS-2	T2.03-01	căn hộ ở
11		2	3BS-4	T2.03-02	căn hộ ở
12		3	3BS-1M	T2.03-03	căn hộ ở
13		4	2BS-1M	T2.03-04	căn hộ ở
14		5	2BL-1	T2.03-05	căn hộ ở
15		6	2BS-1	T2.03-06	căn hộ ở
16		7	3BS-1	T2.03-07	căn hộ ở
17		8	3BS-2	T2.03-08	căn hộ ở
18		9	2BS-2M	T2.03-09	căn hộ ở
19	Tầng 4	1	2BS-2	T2.04-01	căn hộ ở
20		2	3BS-4	T2.04-02	căn hộ ở
21		3	3BS-1M	T2.04-03	căn hộ ở
22		4	2BS-1M	T2.04-04	căn hộ ở
23		5	2BL-1	T2.04-05	căn hộ ở
24		6	2BS-1	T2.04-06	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
25		7	3BS-1	T2.04-07	căn hộ ở
26		8	3BS-2	T2.04-08	căn hộ ở
27		9	2BS-2M	T2.04-09	căn hộ ở
28	Tầng 5	1	2BS-2	T2.05-01	căn hộ ở
29		2	3BS-4	T2.05-02	căn hộ ở
30		3	3BS-1M	T2.05-03	căn hộ ở
31		4	2BS-1M	T2.05-04	căn hộ ở
32		5	2BL-1	T2.05-05	căn hộ ở
33		6	2BS-1	T2.05-06	căn hộ ở
34		7	3BS-1	T2.05-07	căn hộ ở
35		8	3BS-2	T2.05-08	căn hộ ở
36		9	2BS-2M	T2.05-09	căn hộ ở
37	Tầng 6	1	2BS-2	T2.06-01	căn hộ ở
38		2	3BS-4	T2.06-02	căn hộ ở
39		3	3BS-1M	T2.06-03	căn hộ ở
40		4	2BS-1M	T2.06-04	căn hộ ở
41		5	2BL-1	T2.06-05	căn hộ ở
42		6	2BS-1	T2.06-06	căn hộ ở
43		7	3BS-1	T2.06-07	căn hộ ở
44		8	3BS-2	T2.06-08	căn hộ ở
45		9	2BS-2M	T2.06-09	căn hộ ở
46	Tầng 7	1	2BS-2	T2.07-01	căn hộ ở
47		2	3BS-4	T2.07-02	căn hộ ở
48		3	3BS-1M	T2.07-03	căn hộ ở
49		4	2BS-1M	T2.07-04	căn hộ ở
50		5	2BL-1	T2.07-05	căn hộ ở
51		6	2BS-1	T2.07-06	căn hộ ở
52		7	3BS-1	T2.07-07	căn hộ ở
53		8	3BS-2	T2.07-08	căn hộ ở
54		9	2BS-2M	T2.07-09	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
55	Tầng 8	1	2BS-2	T2.08-01	căn hộ ở
56		2	3BS-4	T2.08-02	căn hộ ở
57		3	3BS-1M	T2.08-03	căn hộ ở
58		4	2BS-1M	T2.08-04	căn hộ ở
59		5	2BL-1	T2.08-05	căn hộ ở
60		6	2BS-1	T2.08-06	căn hộ ở
61		7	3BS-1	T2.08-07	căn hộ ở
62		8	3BS-2	T2.08-08	căn hộ ở
63		9	2BS-2M	T2.08-09	căn hộ ở
64	Tầng 9	1	2BS-2	T2.09-01	căn hộ ở
65		2	3BS-4	T2.09-02	căn hộ ở
66		3	3BS-1M	T2.09-03	căn hộ ở
67		4	2BS-1M	T2.09-04	căn hộ ở
68		5	2BL-1	T2.09-05	căn hộ ở
69		6	2BS-1	T2.09-06	căn hộ ở
70		7	3BS-1	T2.09-07	căn hộ ở
71		8	3BS-2	T2.09-08	căn hộ ở
72		9	2BS-2M	T2.09-09	căn hộ ở
73	Tầng 10	1	2BS-2	T2.10-01	căn hộ ở
74		2	3BS-4	T2.10-02	căn hộ ở
75		3	3BS-1M	T2.10-03	căn hộ ở
76		4	2BS-1M	T2.10-04	căn hộ ở
77		5	2BL-1	T2.10-05	căn hộ ở
78		6	2BS-1	T2.10-06	căn hộ ở
79		7	3BS-1	T2.10-07	căn hộ ở
80		8	3BS-2	T2.10-08	căn hộ ở
81		9	2BS-2M	T2.10-09	căn hộ ở
82	Tầng 11	1	2BS-2	T2.11-01	căn hộ ở
83		2	3BS-4	T2.11-02	căn hộ ở
84		3	3BS-1M	T2.11-03	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
85		4	2BS-1M	T2.11-04	căn hộ ở
86		5	2BL-1	T2.11-05	căn hộ ở
87		6	2BS-1	T2.11-06	căn hộ ở
88		7	3BS-1	T2.11-07	căn hộ ở
89		8	3BS-2	T2.11-08	căn hộ ở
90		9	2BS-2M	T2.11-09	căn hộ ở
91	Tầng 12	1	2BS-2	T2.12-01	căn hộ ở
92		2	3BS-4	T2.12-02	căn hộ ở
93		3	3BS-1M	T2.12-03	căn hộ ở
94		4	2BS-1M	T2.12-04	căn hộ ở
95		5	2BL-1	T2.12-05	căn hộ ở
96		6	2BS-1	T2.12-06	căn hộ ở
97		7	3BS-1	T2.12-07	căn hộ ở
98		8	3BS-2	T2.12-08	căn hộ ở
99		9	2BS-2M	T2.12-09	căn hộ ở
	Tầng 13		(Sân vườn)		
100		1	3BS-4	T2.13-01	căn hộ ở
101		2	3BS-1M	T2.13-02	căn hộ ở
			(Sân vườn)		
			(Sân vườn)		
102		3	2BS-1	T2.13-03	căn hộ ở
103		4	3BS-1	T2.13-04	căn hộ ở
104		5	3BS-2	T2.13-05	căn hộ ở
105		6	2BS-2M	T2.13-06	căn hộ ở
	Tầng 14		(Thông tầng)		
106		1	3BS-4	T2.14-01	căn hộ ở
107		2	3BS-1M	T2.14-02	căn hộ ở
			(Thông tầng)		
			(Thông tầng)		

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
108		3	2BS-1	T2.14-03	căn hộ ở
109		4	3BS-1	T2.14-04	căn hộ ở
110		5	3BS-2	T2.14-05	căn hộ ở
111		6	2BS-2M	T2.14-06	căn hộ ở
112	Tầng 15	1	2BS-2	T2.15-01	căn hộ ở
113		2	3BS-4	T2.15-02	căn hộ ở
114		3	3BS-1M	T2.15-03	căn hộ ở
115		4	2BS-1M	T2.15-04	căn hộ ở
116		5	2BL-1	T2.15-05	căn hộ ở
117		6	2BS-1	T2.15-06	căn hộ ở
118		7	3BS-1	T2.15-07	căn hộ ở
119		8	3BS-2	T2.15-08	căn hộ ở
120		9	2BS-2M	T2.15-09	căn hộ ở
121	Tầng 16	1	2BS-2	T2.16-01	căn hộ ở
122		2	3BS-4	T2.16-02	căn hộ ở
123		3	3BS-1M	T2.16-03	căn hộ ở
124		4	2BS-1M	T2.16-04	căn hộ ở
125		5	2BL-1	T2.16-05	căn hộ ở
126		6	2BS-1	T2.16-06	căn hộ ở
127		7	3BS-1	T2.16-07	căn hộ ở
128		8	3BS-2	T2.16-08	căn hộ ở
129		9	2BS-2M	T2.16-09	căn hộ ở
130	Tầng 17	1	2BS-2	T2.17-01	căn hộ ở
131		2	3BS-4	T2.17-02	căn hộ ở
132		3	3BS-1M	T2.17-03	căn hộ ở
133		4	2BS-1M	T2.17-04	căn hộ ở
134		5	2BL-1	T2.17-05	căn hộ ở
135		6	2BS-1	T2.17-06	căn hộ ở
136		7	3BS-1	T2.17-07	căn hộ ở
137		8	3BS-2	T2.17-08	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
138		9	2BS-2M	T2.17-09	căn hộ ở
139	Tầng 18	1	2BS-2	T2.18-01	căn hộ ở
140		2	3BS-4	T2.18-02	căn hộ ở
141		3	3BS-1M	T2.18-03	căn hộ ở
142		4	2BS-1M	T2.18-04	căn hộ ở
143		5	2BL-1	T2.18-05	căn hộ ở
144		6	2BS-1	T2.18-06	căn hộ ở
145		7	3BS-1	T2.18-07	căn hộ ở
146		8	3BS-2	T2.18-08	căn hộ ở
147		9	2BS-2M	T2.18-09	căn hộ ở
148	Tầng 19	1	2BS-2	T2.19-01	căn hộ ở
149		2	3BS-4	T2.19-02	căn hộ ở
150		3	3BS-1M	T2.19-03	căn hộ ở
151		4	2BS-1M	T2.19-04	căn hộ ở
152		5	2BL-1	T2.19-05	căn hộ ở
153		6	2BS-1	T2.19-06	căn hộ ở
154		7	3BS-1	T2.19-07	căn hộ ở
155		8	3BS-2	T2.19-08	căn hộ ở
156		9	2BS-2M	T2.19-09	căn hộ ở
157	Tầng 20	1	2BS-2	T2.20-01	căn hộ ở
158		2	3BS-4	T2.20-02	căn hộ ở
159		3	3BS-1M	T2.20-03	căn hộ ở
160		4	2BS-1M	T2.20-04	căn hộ ở
161		5	2BL-1	T2.20-05	căn hộ ở
162		6	2BS-1	T2.20-06	căn hộ ở
163		7	3BS-1	T2.20-07	căn hộ ở
164		8	3BS-2	T2.20-08	căn hộ ở
165		9	2BS-2M	T2.20-09	căn hộ ở

Tổng số căn hộ Tháp T2 được cấp số nhà : 165 căn

Phụ lục IV

THÁP T3

Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng tại phân khu

13, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè

(Đính kèm Giấy chứng nhận số nhà số 340 / UBND-CN ngày 08/11/2024

của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
1	Tầng 2	1	2BS-3	T3.02-01	căn hộ ở
2		2	2BL-4	T3.02-02	căn hộ ở
3		3	3BS-2	T3.02-03	căn hộ ở
4		4	2BS-1M	T3.02-04	căn hộ ở
5		5	2BL-1	T3.02-05	căn hộ ở
6		6	2BS-1	T3.02-06	căn hộ ở
7		7	3BS-2M	T3.02-07	căn hộ ở
8		8	2BL-4M	T3.02-08	căn hộ ở
9		9	1B-M	T3.02-09	căn hộ ở
10		10	1B	T3.02-10	căn hộ ở
11	Tầng 3	1	2BS-3	T3.03-01	căn hộ ở
12		2	2BL-4	T3.03-02	căn hộ ở
13		3	3BS-2	T3.03-03	căn hộ ở
14		4	2BS-1M	T3.03-04	căn hộ ở
15		5	2BL-1	T3.03-05	căn hộ ở
16		6	2BS-1	T3.03-06	căn hộ ở
17		7	3BS-2M	T3.03-07	căn hộ ở
18		8	2BL-4M	T3.03-08	căn hộ ở
19		9	1B-M	T3.03-09	căn hộ ở
20		10	1B	T3.03-10	căn hộ ở
21	Tầng 4	1	2BS-3	T3.04-01	căn hộ ở
22		2	2BL-4	T3.04-02	căn hộ ở
23		3	3BS-2	T3.04-03	căn hộ ở
24		4	2BS-1M	T3.04-04	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
25		5	2BL-1	T3.04-05	căn hộ ở
26		6	2BS-1	T3.04-06	căn hộ ở
27		7	3BS-2M	T3.04-07	căn hộ ở
28		8	2BL-4M	T3.04-08	căn hộ ở
29		9	1B-M	T3.04-09	căn hộ ở
30		10	1B	T3.04-10	căn hộ ở
31	Tầng 5	1	2BS-3	T3.05-01	căn hộ ở
32		2	2BL-4	T3.05-02	căn hộ ở
33		3	3BS-2	T3.05-03	căn hộ ở
34		4	2BS-1M	T3.05-04	căn hộ ở
35		5	2BL-1	T3.05-05	căn hộ ở
36		6	2BS-1	T3.05-06	căn hộ ở
37		7	3BS-2M	T3.05-07	căn hộ ở
38		8	2BL-4M	T3.05-08	căn hộ ở
39		9	1B-M	T3.05-09	căn hộ ở
40		10	1B	T3.05-10	căn hộ ở
41	Tầng 6	1	2BS-3	T3.06-01	căn hộ ở
42		2	2BL-4	T3.06-02	căn hộ ở
43		3	3BS-2	T3.06-03	căn hộ ở
44		4	2BS-1M	T3.06-04	căn hộ ở
45		5	2BL-1	T3.06-05	căn hộ ở
46		6	2BS-1	T3.06-06	căn hộ ở
47		7	3BS-2M	T3.06-07	căn hộ ở
48		8	2BL-4M	T3.06-08	căn hộ ở
49		9	1B-M	T3.06-09	căn hộ ở
50		10	1B	T3.06-10	căn hộ ở
51	Tầng 7	1	2BS-3	T3.07-01	căn hộ ở
52		2	2BL-4	T3.07-02	căn hộ ở
53		3	3BS-2	T3.07-03	căn hộ ở
54		4	2BS-1M	T3.07-04	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
55		5	2BL-1	T3.07-05	căn hộ ở
56		6	2BS-1	T3.07-06	căn hộ ở
57		7	3BS-2M	T3.07-07	căn hộ ở
58		8	2BL-4M	T3.07-08	căn hộ ở
59		9	1B-M	T3.07-09	căn hộ ở
60		10	1B	T3.07-10	căn hộ ở
61	Tầng 8	1	2BS-3	T3.08-01	căn hộ ở
62		2	2BL-4	T3.08-02	căn hộ ở
63		3	3BS-2	T3.08-03	căn hộ ở
64		4	2BS-1M	T3.08-04	căn hộ ở
65		5	2BL-1	T3.08-05	căn hộ ở
66		6	2BS-1	T3.08-06	căn hộ ở
67		7	3BS-2M	T3.08-07	căn hộ ở
68		8	2BL-4M	T3.08-08	căn hộ ở
69		9	1B-M	T3.08-09	căn hộ ở
70		10	1B	T3.08-10	căn hộ ở
71	Tầng 9	1	2BS-3	T3.09-01	căn hộ ở
72		2	2BL-4	T3.09-02	căn hộ ở
73		3	3BS-2	T3.09-03	căn hộ ở
74		4	2BS-1M	T3.09-04	căn hộ ở
75		5	2BL-1	T3.09-05	căn hộ ở
76		6	2BS-1	T3.09-06	căn hộ ở
77		7	3BS-2M	T3.09-07	căn hộ ở
78		8	2BL-4M	T3.09-08	căn hộ ở
79		9	1B-M	T3.09-09	căn hộ ở
80		10	1B	T3.09-10	căn hộ ở
81	Tầng 10	1	2BS-3	T3.10-01	căn hộ ở
82		2	2BL-4	T3.10-02	căn hộ ở
83		3	3BS-2	T3.10-03	căn hộ ở
84		4	2BS-1M	T3.10-04	căn hộ ở

✓

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
85		5	2BL-1	T3.10-05	căn hộ ở
86		6	2BS-1	T3.10-06	căn hộ ở
87		7	3BS-2M	T3.10-07	căn hộ ở
88		8	2BL-4M	T3.10-08	căn hộ ở
89		9	1B-M	T3.10-09	căn hộ ở
90		10	1B	T3.10-10	căn hộ ở
91	Tầng 11	1	2BS-3	T3.11-01	căn hộ ở
92		2	2BL-4	T3.11-02	căn hộ ở
93		3	3BS-2	T3.11-03	căn hộ ở
94		4	2BS-1M	T3.11-04	căn hộ ở
95		5	2BL-1	T3.11-05	căn hộ ở
96		6	2BS-1	T3.11-06	căn hộ ở
97		7	3BS-2M	T3.11-07	căn hộ ở
98		8	2BL-4M	T3.11-08	căn hộ ở
99		9	1B-M	T3.11-09	căn hộ ở
100		10	1B	T3.11-10	căn hộ ở
101	Tầng 12	1	2BS-3	T3.12-01	căn hộ ở
102		2	2BL-4	T3.12-02	căn hộ ở
103		3	3BS-2	T3.12-03	căn hộ ở
104		4	2BS-1M	T3.12-04	căn hộ ở
105		5	2BL-1	T3.12-05	căn hộ ở
106		6	2BS-1	T3.12-06	căn hộ ở
107		7	3BS-2M	T3.12-07	căn hộ ở
108		8	2BL-4M	T3.12-08	căn hộ ở
109		9	1B-M	T3.12-09	căn hộ ở
110		10	1B	T3.12-10	căn hộ ở
	Tầng 13		(Sân vườn)		
111		1	2BL-4	T3.13-01	căn hộ ở
112		2	3BS-2	T3.13-02	căn hộ ở
			(Sân vườn)		

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
			(Sân vườn)		
113		3	2BS-1	T3.13-03	căn hộ ở
114		4	3BS-2M	T3.13-04	căn hộ ở
115		5	2BL-4M	T3.13-05	căn hộ ở
116		6	1B-M	T3.13-06	căn hộ ở
117		7	1B	T3.13-07	căn hộ ở
			(Thông tầng)		
118		1	2BL-4	T3.14-01	căn hộ ở
119		2	3BS-2	T3.14-02	căn hộ ở
			(Thông tầng)		
			(Thông tầng)		
120	Tầng 14	3	2BS-1	T3.14-03	căn hộ ở
121		4	3BS-2M	T3.14-04	căn hộ ở
122		5	2BL-4M	T3.14-05	căn hộ ở
123		6	1B-M	T3.14-06	căn hộ ở
124		7	1B	T3.14-07	căn hộ ở
125		1	2BS-3	T3.15-01	căn hộ ở
126		2	2BL-4	T3.15-02	căn hộ ở
127		3	3BS-2	T3.15-03	căn hộ ở
128		4	2BS-1M	T3.15-04	căn hộ ở
129		5	2BL-1	T3.15-05	căn hộ ở
130	Tầng 15	6	2BS-1	T3.15-06	căn hộ ở
131		7	3BS-2M	T3.15-07	căn hộ ở
132		8	2BL-4M	T3.15-08	căn hộ ở
133		9	1B-M	T3.15-09	căn hộ ở
134		10	1B	T3.15-10	căn hộ ở
135		1	2BS-3	T3.16-01	căn hộ ở
136	Tầng 16	2	2BL-4	T3.16-02	căn hộ ở
137		3	3BS-2	T3.16-03	căn hộ ở
138		4	2BS-1M	T3.16-04	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
139		5	2BL-1	T3.16-05	căn hộ ở
140		6	2BS-1	T3.16-06	căn hộ ở
141		7	3BS-2M	T3.16-07	căn hộ ở
142		8	2BL-4M	T3.16-08	căn hộ ở
143		9	1B-M	T3.16-09	căn hộ ở
144		10	1B	T3.16-10	căn hộ ở
145	Tầng 17	1	2BS-3	T3.17-01	căn hộ ở
146		2	2BL-4	T3.17-02	căn hộ ở
147		3	3BS-2	T3.17-03	căn hộ ở
148		4	2BS-1M	T3.17-04	căn hộ ở
149		5	2BL-1	T3.17-05	căn hộ ở
150		6	2BS-1	T3.17-06	căn hộ ở
151		7	3BS-2M	T3.17-07	căn hộ ở
152		8	2BL-4M	T3.17-08	căn hộ ở
153		9	1B-M	T3.17-09	căn hộ ở
154		10	1B	T3.17-10	căn hộ ở
155	Tầng 18	1	2BS-3	T3.18-01	căn hộ ở
156		2	2BL-4	T3.18-02	căn hộ ở
157		3	3BS-2	T3.18-03	căn hộ ở
158		4	2BS-1M	T3.18-04	căn hộ ở
159		5	2BL-1	T3.18-05	căn hộ ở
160		6	2BS-1	T3.18-06	căn hộ ở
161		7	3BS-2M	T3.18-07	căn hộ ở
162		8	2BL-4M	T3.18-08	căn hộ ở
163		9	1B-M	T3.18-09	căn hộ ở
164		10	1B	T3.18-10	căn hộ ở
165	Tầng 19	1	2BS-3	T3.19-01	căn hộ ở
166		2	2BL-4	T3.19-02	căn hộ ở
167		3	3BS-2	T3.19-03	căn hộ ở
168		4	2BS-1M	T3.19-04	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
169		5	2BL-1	T3.19-05	căn hộ ở
170		6	2BS-1	T3.19-06	căn hộ ở
171		7	3BS-2M	T3.19-07	căn hộ ở
172		8	2BL-4M	T3.19-08	căn hộ ở
173		9	1B-M	T3.19-09	căn hộ ở
174		10	1B	T3.19-10	căn hộ ở
175	Tầng 20	1	2BS-3	T3.20-01	căn hộ ở
176		2	2BL-4	T3.20-02	căn hộ ở
177		3	3BS-2	T3.20-03	căn hộ ở
178		4	2BS-1M	T3.20-04	căn hộ ở
179		5	2BL-1	T3.20-05	căn hộ ở
180		6	2BS-1	T3.20-06	căn hộ ở
181		7	3BS-2M	T3.20-07	căn hộ ở
182		8	2BL-4M	T3.20-08	căn hộ ở
183		9	1B-M	T3.20-09	căn hộ ở
184		10	1B	T3.20-10	căn hộ ở

Tổng số căn hộ tháp T3 được cấp số nhà : 184 căn



Phụ lục V
THÁP T4

*Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng tại phân khu 13,
đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè
(Đính kèm Giấy chứng nhận số nhà số 340 / UBND-CN ngày 08 /11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
1	Tầng 2	1	2BS-2	T4.02-01	căn hộ ở
2		2	3BS-2M	T4.02-02	căn hộ ở
3		3	3BS-1MG2	T4.02-03	căn hộ ở
4		4	2BS-1MG2	T4.02-04	căn hộ ở
5		5	2BL-1MG2	T4.02-05	căn hộ ở
6		6	2BS-1G2	T4.02-06	căn hộ ở
7		7	3BS-1G2	T4.02-07	căn hộ ở
8		8	3BS-4M	T4.02-08	căn hộ ở
9		9	2BS-2M	T4.02-09	căn hộ ở
10	Tầng 3	1	2BS-2	T4.03-01	căn hộ ở
11		2	3BS-2M	T4.03-02	căn hộ ở
12		3	3BS-1M	T4.03-03	căn hộ ở
13		4	2BS-1M	T4.03-04	căn hộ ở
14		5	2BL-1M	T4.03-05	căn hộ ở
15		6	2BS-1	T4.03-06	căn hộ ở
16		7	3BS-1	T4.03-07	căn hộ ở
17		8	3BS-4M	T4.03-08	căn hộ ở
18		9	2BS-2M	T4.03-09	căn hộ ở
19	Tầng 4	1	2BS-2	T4.04-01	căn hộ ở
20		2	3BS-2M	T4.04-02	căn hộ ở
21		3	3BS-1M	T4.04-03	căn hộ ở
22		4	2BS-1M	T4.04-04	căn hộ ở
23		5	2BL-1M	T4.04-05	căn hộ ở
24		6	2BS-1	T4.04-06	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
25		7	3BS-1	T4.04-07	căn hộ ở
26		8	3BS-4M	T4.04-08	căn hộ ở
27		9	2BS-2M	T4.04-09	căn hộ ở
28	Tầng 5	1	2BS-2	T4.05-01	căn hộ ở
29		2	3BS-2M	T4.05-02	căn hộ ở
30		3	3BS-1M	T4.05-03	căn hộ ở
31		4	2BS-1M	T4.05-04	căn hộ ở
32		5	2BL-1M	T4.05-05	căn hộ ở
33		6	2BS-1	T4.05-06	căn hộ ở
34		7	3BS-1	T4.05-07	căn hộ ở
35		8	3BS-4M	T4.05-08	căn hộ ở
36		9	2BS-2M	T4.05-09	căn hộ ở
37	Tầng 6	1	2BS-2	T4.06-01	căn hộ ở
38		2	3BS-2M	T4.06-02	căn hộ ở
39		3	3BS-1M	T4.06-03	căn hộ ở
40		4	2BS-1M	T4.06-04	căn hộ ở
41		5	2BL-1M	T4.06-05	căn hộ ở
42		6	2BS-1	T4.06-06	căn hộ ở
43		7	3BS-1	T4.06-07	căn hộ ở
44		8	3BS-4M	T4.06-08	căn hộ ở
45		9	2BS-2M	T4.06-09	căn hộ ở
46	Tầng 7	1	2BS-2	T4.07-01	căn hộ ở
47		2	3BS-2M	T4.07-02	căn hộ ở
48		3	3BS-1M	T4.07-03	căn hộ ở
49		4	2BS-1M	T4.07-04	căn hộ ở
50		5	2BL-1M	T4.07-05	căn hộ ở
51		6	2BS-1	T4.07-06	căn hộ ở
52		7	3BS-1	T4.07-07	căn hộ ở
53		8	3BS-4M	T4.07-08	căn hộ ở
54		9	2BS-2M	T4.07-09	căn hộ ở
55	Tầng 8	1	2BS-2	T4.08-01	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
56		2	3BS-2M	T4.08-02	căn hộ ở
57		3	3BS-1M	T4.08-03	căn hộ ở
58		4	2BS-1M	T4.08-04	căn hộ ở
59		5	2BL-1M	T4.08-05	căn hộ ở
60		6	2BS-1	T4.08-06	căn hộ ở
61		7	3BS-1	T4.08-07	căn hộ ở
62		8	3BS-4M	T4.08-08	căn hộ ở
63		9	2BS-2M	T4.08-09	căn hộ ở
64	Tầng 9	1	2BS-2	T4.09-01	căn hộ ở
65		2	3BS-2M	T4.09-02	căn hộ ở
66		3	3BS-1M	T4.09-03	căn hộ ở
67		4	2BS-1M	T4.09-04	căn hộ ở
68		5	2BL-1M	T4.09-05	căn hộ ở
69		6	2BS-1	T4.09-06	căn hộ ở
70		7	3BS-1	T4.09-07	căn hộ ở
71		8	3BS-4M	T4.09-08	căn hộ ở
72		9	2BS-2M	T4.09-09	căn hộ ở
73	Tầng 10	1	2BS-2	T4.10-01	căn hộ ở
74		2	3BS-2M	T4.10-02	căn hộ ở
75		3	3BS-1M	T4.10-03	căn hộ ở
76		4	2BS-1M	T4.10-04	căn hộ ở
77		5	2BL-1M	T4.10-05	căn hộ ở
78		6	2BS-1	T4.10-06	căn hộ ở
79		7	3BS-1	T4.10-07	căn hộ ở
80		8	3BS-4M	T4.10-08	căn hộ ở
81		9	2BS-2M	T4.10-09	căn hộ ở
82	Tầng 11	1	2BS-2	T4.11-01	căn hộ ở
83		2	3BS-2M	T4.11-02	căn hộ ở
84		3	3BS-1M	T4.11-03	căn hộ ở
85		4	2BS-1M	T4.11-04	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
86		5	2BL-1M	T4.11-05	căn hộ ở
87		6	2BS-1	T4.11-06	căn hộ ở
88		7	3BS-1	T4.11-07	căn hộ ở
89		8	3BS-4M	T4.11-08	căn hộ ở
90		9	2BS-2M	T4.11-09	căn hộ ở
91	Tầng 12	1	2BS-2	T4.12-01	căn hộ ở
92		2	3BS-2M	T4.12-02	căn hộ ở
93		3	3BS-1M	T4.12-03	căn hộ ở
94		4	2BS-1M	T4.12-04	căn hộ ở
95		5	2BL-1M	T4.12-05	căn hộ ở
96		6	2BS-1	T4.12-06	căn hộ ở
97		7	3BS-1	T4.12-07	căn hộ ở
98		8	3BS-4M	T4.12-08	căn hộ ở
99		9	2BS-2M	T4.12-09	căn hộ ở
100	Tầng 13	1	2BS-2	T4.13-01	căn hộ ở
101		2	3BS-2M	T4.13-02	căn hộ ở
102		3	3BS-1M	T4.13-03	căn hộ ở
103		4	2BS-1M	T4.13-04	căn hộ ở
			(Sân vườn)		căn hộ ở
			(Sân vườn)		căn hộ ở
104		5	3BS-1	T4.13-05	căn hộ ở
105		6	3BS-4M	T4.13-06	căn hộ ở
			(Sân vườn)		căn hộ ở
106	Tầng 14	1	2BS-2	T4.14-01	căn hộ ở
107		2	3BS-2M	T4.14-02	căn hộ ở
108		3	3BS-1M	T4.14-03	căn hộ ở
109		4	2BS-1M	T4.14-04	căn hộ ở
			(Thông tầng)		căn hộ ở
			(Thông tầng)		căn hộ ở
110		5	3BS-1	T4.14-05	căn hộ ở
111		6	3BS-4M	T4.14-06	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
			(Thông tầng)		
					căn hộ ở
112	Tầng 15	1	2BS-2	T4.15-01	căn hộ ở
113		2	3BS-2M	T4.15-02	căn hộ ở
114		3	3BS-1M	T4.15-03	căn hộ ở
115		4	2BS-1M	T4.15-04	căn hộ ở
116		5	2BL-1M	T4.15-05	căn hộ ở
117		6	2BS-1	T4.15-06	căn hộ ở
118		7	3BS-1	T4.15-07	căn hộ ở
119		8	3BS-4M	T4.15-08	căn hộ ở
120		9	2BS-2M	T4.15-09	căn hộ ở
121	Tầng 16	1	2BS-2	T4.16-01	căn hộ ở
122		2	3BS-2M	T4.16-02	căn hộ ở
123		3	3BS-1M	T4.16-03	căn hộ ở
124		4	2BS-1M	T4.16-04	căn hộ ở
125		5	2BL-1M	T4.16-05	căn hộ ở
126		6	2BS-1	T4.16-06	căn hộ ở
127		7	3BS-1	T4.16-07	căn hộ ở
128		8	3BS-4M	T4.16-08	căn hộ ở
129		9	2BS-2M	T4.16-09	căn hộ ở
130	Tầng 17	1	2BS-2	T4.17-01	căn hộ ở
131		2	3BS-2M	T4.17-02	căn hộ ở
132		3	3BS-1M	T4.17-03	căn hộ ở
133		4	2BS-1M	T4.17-04	căn hộ ở
134		5	2BL-1M	T4.17-05	căn hộ ở
135		6	2BS-1	T4.17-06	căn hộ ở
136		7	3BS-1	T4.17-07	căn hộ ở
137		8	3BS-4M	T4.17-08	căn hộ ở
138		9	2BS-2M	T4.17-09	căn hộ ở
139	Tầng 18	1	2BS-2	T4.18-01	căn hộ ở
140		2	3BS-2M	T4.18-02	căn hộ ở
141		3	3BS-1M	T4.18-03	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
142		4	2BS-1M	T4.18-04	căn hộ ở
143		5	2BL-1M	T4.18-05	căn hộ ở
144		6	2BS-1	T4.18-06	căn hộ ở
145		7	3BS-1	T4.18-07	căn hộ ở
146		8	3BS-4M	T4.18-08	căn hộ ở
147		9	2BS-2M	T4.18-09	căn hộ ở
148	Tầng 19	1	2BS-2	T4.19-01	căn hộ ở
149		2	3BS-2M	T4.19-02	căn hộ ở
150		3	3BS-1M	T4.19-03	căn hộ ở
151		4	2BS-1M	T4.19-04	căn hộ ở
152		5	2BL-1M	T4.19-05	căn hộ ở
153		6	2BS-1	T4.19-06	căn hộ ở
154		7	3BS-1	T4.19-07	căn hộ ở
155		8	3BS-4M	T4.19-08	căn hộ ở
156		9	2BS-2M	T4.19-09	căn hộ ở
157	Tầng 20	1	2BS-2	T4.20-01	căn hộ ở
158		2	3BS-2M	T4.20-02	căn hộ ở
159		3	3BS-1M	T4.20-03	căn hộ ở
160		4	2BS-1M	T4.20-04	căn hộ ở
161		5	2BL-1M	T4.20-05	căn hộ ở
162		6	2BS-1	T4.20-06	căn hộ ở
163		7	3BS-1	T4.20-07	căn hộ ở
164		8	3BS-4M	T4.20-08	căn hộ ở
165		9	2BS-2M	T4.20-09	căn hộ ở

Tổng số căn hộ tháp T4 được cấp số nhà : 165 căn



Phụ lục VI

THÁP T5

Chứng nhận số nhà những căn hộ thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng tại phân khu 13,
đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè

(Đính kèm Giấy chứng nhận số nhà số 340 / UBND-CN ngày 08/11/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
1	Tầng 2	1	2BL-3MG2	T5.02-01	căn hộ ở
2		2	3BS-3MG2	T5.02-02	căn hộ ở
3		3	2BS-1	T5.02-03	căn hộ ở
4		4	2BS-1M	T5.02-04	căn hộ ở
5		5	2BL-1M	T5.02-05	căn hộ ở
6		6	2BL-2M	T5.02-06	căn hộ ở
7		7	3BS-1M	T5.02-07	căn hộ ở
8		8	2BS-1M	T5.02-08	căn hộ ở
9		9	2BS-1	T5.02-09	căn hộ ở
10	Tầng 3	1	2BL-3M	T5.03-01	căn hộ ở
11		2	3BS-3M	T5.03-02	căn hộ ở
12		3	2BS-1	T5.03-03	căn hộ ở
13		4	2BS-1M	T5.03-04	căn hộ ở
14		5	2BL-1M	T5.03-05	căn hộ ở
15		6	2BL-2M	T5.03-06	căn hộ ở
16		7	3BS-1M	T5.03-07	căn hộ ở
17		8	2BS-1M	T5.03-08	căn hộ ở
18		9	2BS-1	T5.03-09	căn hộ ở
19	Tầng 4	1	2BL-3M	T5.04-01	căn hộ ở
20		2	3BS-3M	T5.04-02	căn hộ ở
21		3	2BS-1	T5.04-03	căn hộ ở
22		4	2BS-1M	T5.04-04	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
23		5	2BL-1M	T5.04-05	căn hộ ở
24		6	2BL-2M	T5.04-06	căn hộ ở
25		7	3BS-1M	T5.04-07	căn hộ ở
26		8	2BS-1M	T5.04-08	căn hộ ở
27		9	2BS-1	T5.04-09	căn hộ ở
28	Tầng 5	1	2BL-3M	T5.05-01	căn hộ ở
29		2	3BS-3M	T5.05-02	căn hộ ở
30		3	2BS-1	T5.05-03	căn hộ ở
31		4	2BS-1M	T5.05-04	căn hộ ở
32		5	2BL-1M	T5.05-05	căn hộ ở
33		6	2BL-2M	T5.05-06	căn hộ ở
34		7	3BS-1M	T5.05-07	căn hộ ở
35		8	2BS-1M	T5.05-08	căn hộ ở
36		9	2BS-1	T5.05-09	căn hộ ở
37	Tầng 6	1	2BL-3M	T5.06-01	căn hộ ở
38		2	3BS-3M	T5.06-02	căn hộ ở
39		3	2BS-1	T5.06-03	căn hộ ở
40		4	2BS-1M	T5.06-04	căn hộ ở
41		5	2BL-1M	T5.06-05	căn hộ ở
42		6	2BL-2M	T5.06-06	căn hộ ở
43		7	3BS-1M	T5.06-07	căn hộ ở
44		8	2BS-1M	T5.06-08	căn hộ ở
45		9	2BS-1	T5.06-09	căn hộ ở
46	Tầng 7	1	2BL-3M	T5.07-01	căn hộ ở
47		2	3BS-3M	T5.07-02	căn hộ ở
48		3	2BS-1	T5.07-03	căn hộ ở
49		4	2BS-1M	T5.07-04	căn hộ ở
50		5	2BL-1M	T5.07-05	căn hộ ở
51		6	2BL-2M	T5.07-06	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
52		7	3BS-1M	T5.07-07	căn hộ ở
53		8	2BS-1M	T5.07-08	căn hộ ở
54		9	2BS-1	T5.07-09	căn hộ ở
55	Tầng 8	1	2BL-3M	T5.08-01	căn hộ ở
56		2	3BS-3M	T5.08-02	căn hộ ở
57		3	2BS-1	T5.08-03	căn hộ ở
58		4	2BS-1M	T5.08-04	căn hộ ở
59		5	2BL-1M	T5.08-05	căn hộ ở
60		6	2BL-2M	T5.08-06	căn hộ ở
61		7	3BS-1M	T5.08-07	căn hộ ở
62		8	2BS-1M	T5.08-08	căn hộ ở
63		9	2BS-1	T5.08-09	căn hộ ở
64	Tầng 9	1	2BL-3M	T5.09-01	căn hộ ở
65		2	3BS-3M	T5.09-02	căn hộ ở
66		3	2BS-1	T5.09-03	căn hộ ở
67		4	2BS-1M	T5.09-04	căn hộ ở
68		5	2BL-1M	T5.09-05	căn hộ ở
69		6	2BL-2M	T5.09-06	căn hộ ở
70		7	3BS-1M	T5.09-07	căn hộ ở
71		8	2BS-1M	T5.09-08	căn hộ ở
72		9	2BS-1	T5.09-09	căn hộ ở
73	Tầng 10	1	2BL-3M	T5.10-01	căn hộ ở
74		2	3BS-3M	T5.10-02	căn hộ ở
75		3	2BS-1	T5.10-03	căn hộ ở
76		4	2BS-1M	T5.10-04	căn hộ ở
77		5	2BL-1M	T5.10-05	căn hộ ở
78		6	2BL-2M	T5.10-06	căn hộ ở
79		7	3BS-1M	T5.10-07	căn hộ ở
80		8	2BS-1M	T5.10-08	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
81	Tầng 11	9	2BS-1	T5.10-09	căn hộ ở
82		1	2BL-3M	T5.11-01	căn hộ ở
83		2	3BS-3M	T5.11-02	căn hộ ở
84		3	2BS-1	T5.11-03	căn hộ ở
85		4	2BS-1M	T5.11-04	căn hộ ở
86		5	2BL-1M	T5.11-05	căn hộ ở
87		6	2BL-2M	T5.11-06	căn hộ ở
88		7	3BS-1M	T5.11-07	căn hộ ở
89		8	2BS-1M	T5.11-08	căn hộ ở
90		9	2BS-1	T5.11-09	căn hộ ở
91	Tầng 12	1	2BL-3M	T5.12-01	căn hộ ở
92		2	3BS-3M	T5.12-02	căn hộ ở
93		3	2BS-1	T5.12-03	căn hộ ở
94		4	2BS-1M	T5.12-04	căn hộ ở
95		5	2BL-1M	T5.12-05	căn hộ ở
96		6	2BL-2M	T5.12-06	căn hộ ở
97		7	3BS-1M	T5.12-07	căn hộ ở
98		8	2BS-1M	T5.12-08	căn hộ ở
99		9	2BS-1	T5.12-09	căn hộ ở
100	Tầng 13	1	2BL-3M	T5.13-01	căn hộ ở
101		2	3BS-3M	T5.13-02	căn hộ ở
			(Sân vườn)		
			(Sân vườn)		
102		3	2BL-1M	T5.13-03	căn hộ ở
103		4	2BL-2M	T5.13-04	căn hộ ở
104		5	3BS-1M	T5.13-05	căn hộ ở
105		6	2BS-1M	T5.13-06	căn hộ ở
			(Sân vườn)		
106	Tầng 14	1	2BL-3M	T5.14-01	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
107		2	3BS-3M	T5.14-02	căn hộ ở
			(Thông tầng)		
			(Thông tầng)		
108		3	2BL-1M	T5.14-03	căn hộ ở
109		4	2BL-2M	T5.14-04	căn hộ ở
110		5	3BS-1M	T5.14-05	căn hộ ở
111		6	2BS-1M	T5.14-06	căn hộ ở
			(Thông tầng)		
112	Tầng 15	1	2BL-3M	T5.15-01	căn hộ ở
113		2	3BS-3M	T5.15-02	căn hộ ở
114		3	2BS-1	T5.15-03	căn hộ ở
115		4	2BS-1M	T5.15-04	căn hộ ở
116		5	2BL-1M	T5.15-05	căn hộ ở
117		6	2BL-2M	T5.15-06	căn hộ ở
118		7	3BS-1M	T5.15-07	căn hộ ở
119		8	2BS-1M	T5.15-08	căn hộ ở
120		9	2BS-1	T5.15-09	căn hộ ở
121	Tầng 16	1	2BL-3M	T5.16-01	căn hộ ở
122		2	3BS-3M	T5.16-02	căn hộ ở
123		3	2BS-1	T5.16-03	căn hộ ở
124		4	2BS-1M	T5.16-04	căn hộ ở
125		5	2BL-1M	T5.16-05	căn hộ ở
126		6	2BL-2M	T5.16-06	căn hộ ở
127		7	3BS-1M	T5.16-07	căn hộ ở
128		8	2BS-1M	T5.16-08	căn hộ ở
129		9	2BS-1	T5.16-09	căn hộ ở
130	Tầng 17	1	2BL-3M	T5.17-01	căn hộ ở
131		2	3BS-3M	T5.17-02	căn hộ ở
132		3	2BS-1	T5.17-03	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
133		4	2BS-1M	T5.17-04	căn hộ ở
134		5	2BL-1M	T5.17-05	căn hộ ở
135		6	2BL-2M	T5.17-06	căn hộ ở
136		7	3BS-1M	T5.17-07	căn hộ ở
137		8	2BS-1M	T5.17-08	căn hộ ở
138		9	2BS-1	T5.17-09	căn hộ ở
139	Tầng 18	1	2BL-3M	T5.18-01	căn hộ ở
140		2	3BS-3M	T5.18-02	căn hộ ở
141		3	2BS-1	T5.18-03	căn hộ ở
142		4	2BS-1M	T5.18-04	căn hộ ở
143		5	2BL-1M	T5.18-05	căn hộ ở
144		6	2BL-2M	T5.18-06	căn hộ ở
145		7	3BS-1M	T5.18-07	căn hộ ở
146		8	2BS-1M	T5.18-08	căn hộ ở
147		9	2BS-1	T5.18-09	căn hộ ở
148	Tầng 19	1	2BL-3M	T5.19-01	căn hộ ở
149		2	3BS-3M	T5.19-02	căn hộ ở
150		3	2BS-1	T5.19-03	căn hộ ở
151		4	2BS-1M	T5.19-04	căn hộ ở
152		5	2BL-1M	T5.19-05	căn hộ ở
153		6	2BL-2M	T5.19-06	căn hộ ở
154		7	3BS-1M	T5.19-07	căn hộ ở
155		8	2BS-1M	T5.19-08	căn hộ ở
156		9	2BS-1	T5.19-09	căn hộ ở
157	Tầng 20	1	2BL-3M	T5.20-01	căn hộ ở
158		2	3BS-3M	T5.20-02	căn hộ ở
159		3	2BS-1	T5.20-03	căn hộ ở
160		4	2BS-1M	T5.20-04	căn hộ ở
161		5	2BL-1M	T5.20-05	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
162		6	2BL-2M	T5.20-06	căn hộ ở
163		7	3BS-1M	T5.20-07	căn hộ ở
164		8	2BS-1M	T5.20-08	căn hộ ở
165		9	2BS-1	T5.20-09	căn hộ ở

Tổng số căn hộ tháp T5 được cấp số nhà : 165 căn

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
55	Tầng 8	1	2BS-1M	T1.08-01	căn hộ ở
56		2	2BS-1	T1.08-02	căn hộ ở
57		3	3BS-1	T1.08-03	căn hộ ở
58		4	2BL-2	T1.08-04	căn hộ ở
59		5	2BL-1	T1.08-05	căn hộ ở
60		6	2BS-1	T1.08-06	căn hộ ở
61		7	2BS-1M	T1.08-07	căn hộ ở
62		8	3BS-3	T1.08-08	căn hộ ở
63		9	2BL-3	T1.08-09	căn hộ ở
64	Tầng 9	1	2BS-1M	T1.09-01	căn hộ ở
65		2	2BS-1	T1.09-02	căn hộ ở
66		3	3BS-1	T1.09-03	căn hộ ở
67		4	2BL-2	T1.09-04	căn hộ ở
68		5	2BL-1	T1.09-05	căn hộ ở
69		6	2BS-1	T1.09-06	căn hộ ở
70		7	2BS-1M	T1.09-07	căn hộ ở
71		8	3BS-3	T1.09-08	căn hộ ở
72		9	2BL-3	T1.09-09	căn hộ ở
73	Tầng 10	1	2BS-1M	T1.18-01	căn hộ ở
74		2	2BS-1	T1.18-02	căn hộ ở
75		3	3BS-1	T1.18-03	căn hộ ở
76		4	2BL-2	T1.18-04	căn hộ ở
77		5	2BL-1	T1.18-05	căn hộ ở
78		6	2BS-1	T1.18-06	căn hộ ở
79		7	2BS-1M	T1.18-07	căn hộ ở
80		8	3BS-3	T1.18-08	căn hộ ở
81		9	2BL-3	T1.18-09	căn hộ ở
82	Tầng 11	1	2BS-1M	T1.11-01	căn hộ ở
83		2	2BS-1	T1.11-02	căn hộ ở
84		3	3BS-1	T1.11-03	căn hộ ở

STT	Số tầng do Sở Xây dựng cấp	Ký hiệu thiết kế		Số nhà được công nhận	Ghi chú
85		4	2BL-2	T1.11-04	căn hộ ở
86		5	2BL-1	T1.11-05	căn hộ ở
87		6	2BS-1	T1.11-06	căn hộ ở
88		7	2BS-1M	T1.11-07	căn hộ ở
89		8	3BS-3	T1.11-08	căn hộ ở
90		9	2BL-3	T1.11-09	căn hộ ở
91	Tầng 12	1	2BS-1M	T1.12-01	căn hộ ở
92		2	2BS-1	T1.12-02	căn hộ ở
93		3	3BS-1	T1.12-03	căn hộ ở
94		4	2BL-2	T1.12-04	căn hộ ở
95		5	2BL-1	T1.12-05	căn hộ ở
96		6	2BS-1	T1.12-06	căn hộ ở
97		7	2BS-1M	T1.12-07	căn hộ ở
98		8	3BS-3	T1.12-08	căn hộ ở
99		9	2BL-3	T1.12-09	căn hộ ở
	Tầng 13		(Sân vườn)		
100		1	2BS-1	T1.13-01	căn hộ ở
101		2	3BS-1	T1.13-02	căn hộ ở
102		3	2BL-2	T1.13-03	căn hộ ở
103		4	2BL-1	T1.13-04	căn hộ ở
			(Sân vườn)		
			(Sân vườn)		
104		5	3BS-3	T1.13-05	căn hộ ở
105		6	2BL-3	T1.13-06	căn hộ ở
	Tầng 14		(Thông tầng)		
106		1	2BS-1	T1.14-01	căn hộ ở
107		2	3BS-1	T1.14-02	căn hộ ở
108		3	2BL-2	T1.14-03	căn hộ ở
109		4	2BL-1	T1.14-04	căn hộ ở
			(Thông tầng)		